

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-GD&ĐT
Về hướng dẫn thực hiện một số nội
dung Nghị định 81/2021/NĐ-CP,
quy định về cơ chế thu, quản lý học
phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ
thống giáo dục quốc dân và chính
sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi
phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh
vực giáo dục và đào tạo

Bảo Lâm, ngày tháng 3 năm 2025

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Căn cứ Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, về quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Để thực hiện tốt công tác hỗ trợ cho học sinh, sinh viên đang theo học tại các trường trung cấp, cao đẳng, đại học ngoài công lập Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm hướng dẫn thực hiện một số nội dung Nghị định 81/2021/NĐ-CP, quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG:

Học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh (sau đây gọi chung là người học) đang học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập thuộc các trường hợp sau:

*** Đối tượng được miễn học phí**

1. Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Học sinh, sinh viên khuyết tật.

3. Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Người học các trình độ

trung cấp, cao đẳng người mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

4. Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Sinh viên học chuyên ngành Mác-Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

6. Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

7. Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng, đối với các ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

8. Người học các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Các ngành, nghề chuyên môn đặc thù do Thủ tướng Chính phủ quy định.

*** Đối tượng được giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí**

1. Các đối tượng được giảm 70% học phí gồm:

a) Học sinh, sinh viên học các chuyên ngành nhã nhạc cung đình, chèo, tuồng, cải lương, múa, xiếc; một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với giáo dục nghề nghiệp theo danh mục các nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

b) Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm:

Học sinh, sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

II. MỨC HỖ TRỢ HỌC PHÍ.

1. Mức học phí hỗ trợ cấp bù học phí đối người học đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm 2021 - 2022	Năm 2022- 2023	Năm 2023- 2024	Năm 2024- 2025	Năm 2025- 2026
----	--------------------------	-----------------	----------------	----------------	----------------	----------------

1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh	780	1.248	1.328	1.360	1.600
2	Khoa học, pháp luật và toán	940	1.326	1.411	1.445	1.700
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	940	1.870	1.992	2.040	2.400
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	940	1.794	1.909	1.955	2.300
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	940	1.287	1.370	1.400	1.650
6	Sức khỏe	780	2.184	2.324	2.380	2.800
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	1.140	1.560	1.660	1.700	2.000
8	An ninh, quốc phòng	940	1.716	1.820	1.870	2.200

2. Mức hỗ trợ cấp bù học phí đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

Khối ngành	Năm 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026
Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	980	1.250	1.410	1.590	1.790
Khối ngành II: Nghệ thuật	1.170	1.200	1.350	1.520	1.710
Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	980	1.250	1.410	1.590	1.790
Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	1.170	1.350	1.520	1.710	1.930
Khối ngành V: Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	1.170	1.450	1.640	1.850	2.090
Khối ngành VI.1: Các khối ngành sức khỏe khác	1.430	1.850	2.090	2.360	2.660

Khối ngành VI.2: Y dược	1.430	2.450	2.760	3.110	3.500
Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	980	1.200	1.500	1.690	1.910

III. QUY TRÌNH THỦ TỤC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ VÀ PHƯƠNG THỨC CHI TRẢ

1. Thành phần hồ sơ

a) Đơn đề nghị chi trả tiền miễn, giảm học phí (theo mẫu phụ lục VII Nghị định 81/NĐ-CP).

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với các đối tượng sau:

- Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- + Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối.

- Học sinh, sinh viên khuyết tật.

- + Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- + Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- + Giấy khai sinh và giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp.

- Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

- + Giấy khai sinh và sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc).

- Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

+ Giấy khai sinh và sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc).

- Học sinh, sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

+ Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp.

* Người học thuộc diện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.

* Trường hợp học sinh, sinh viên có thẻ căn cước công dân và được cấp mã số định danh cá nhân, thông tin về nơi thường trú có thể khai thác từ việc kết nối và chia sẻ dữ liệu về dân cư không phải nộp “Giấy khai sinh” và “Sổ hộ khẩu thường trú”.

2. Trình tự thực hiện

- Trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học, học sinh, sinh viên học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc đối tượng được miễn giảm học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí học tập nộp đơn theo Phụ lục VII Nghị định 81/2021/NĐ-CP và bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc một trong các giấy tờ liên quan để minh chứng thuộc đối tượng miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập gửi cơ sở giáo dục theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc hệ thống giao dịch điện tử.

- Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị miễn giảm học phí, cấp bù miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí của người học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tự thực có trách nhiệm cấp cho người học giấy xác nhận theo quy định tại Phụ lục VIII của Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Thực hiện hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tuyên truyền các nội dung hỗ trợ miễn, giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP đến học sinh, sinh viên và các đối tượng liên quan.

- Thực hiện tiếp nhận thẩm định hồ sơ, chi trả, quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí trực tiếp cho cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh; sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học trên địa bàn và chi trả cho các trường hợp cha mẹ (hoặc người giám hộ) của học sinh, sinh viên chưa nhận tiền cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

- Căn cứ mức trần học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa tự đảm bảo chi thường xuyên và cơ sở giáo dục đại học chưa tự đảm bảo chi thường xuyên tương ứng với ngành, nghề đào tạo được quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP, số lượng đối tượng được miễn, giảm học phí học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tư thục, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc các doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế xây dựng dự toán kinh phí gửi phòng Tài chính - Kế hoạch để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện. Đồng thời gửi Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo hằng năm lập dự toán, tham mưu cho UBND huyện trình UBND tỉnh Cao Bằng, Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng bố trí kinh phí thực hiện

3. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Thực hiện rà soát, lập danh sách học sinh, sinh viên trên địa bàn đang học tại các cơ sở giáo dục dân lập tư thục.

- Tuyên truyền các nội dung hỗ trợ miễn, giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP đến cha mẹ và học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục dân lập tư thục.

- Hướng dẫn học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục dân lập tư thục đến làm các giấy tờ cần thiết liên quan đến từng đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện một số nội dung Nghị định 81/2021/NĐ-CP, về quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo của UBND huyện Bảo Lâm đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở GD&ĐT tỉnh Cao Bằng;
- TT. Huyện ủy (b/c);
- TT. HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, GD&ĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nông Văn Lương